|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQD, ngày tháng năm 2019)***

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Trung 1***  |  |
| ***- Tên học phần (tiếng Anh): Chinese 1*** |  |
| ***- Mã số học phần: NNKC1111*** |  |
| ***- Thuộc khối kiến thức: kiến thức ngành, tự chọn***  |  |
| ***- Số tín chỉ: 3*** |  |
|  ***+ Số giờ lý thuyết: 22*** |  |
|  ***+ Số giờ thảo luận: 16*** |  |
| ***- Các học phần tiên quyết: Không*** |  |

**2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN: Bộ môn Ngoại ngữ không chuyên**

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp cơ bản và những câu giao tiếp đơn giản. Các bài khoá giảng dạy trong học phần có chủ đề gần gũi với môi trường học tập và cuộc sống hàng ngày, giúp sinh viên có nhận thức cơ bản về Hán ngữ và có khả năng vận dụng vào giao tiếp xã hội cơ bản. Nội dung giảng dạy được thiết kế giúp sinh viên phát triển đồng đều cả 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết), tạo nền tảng để sinh viên phát triển khả năng Hán ngữ trong tương lai.

**4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)**

**Giáo trình**

 荣继华（2011），发展汉语（第二版）：初级综合（I），北京语言大学出版社，北京。

 Rong, Jihua (2011) Developing Chinese (2nd Edition): Elementary Comprehensive Coure (I), Beijing Language and Culture University Press, Beijing.

 么书君（2011），发展汉语（第二版） 初级听力（I），北京语言大学出版社，北京。

 Ma, Shujun (2011) Developing Chinese (2nd Edition): Elementary Listening Coure (I), Beijing Language and Culture University Press, Beijing.

**Tài liệu khác**

 康玉华 & 来思平（2005），汉语会话 301-上（第三版），北京语言大学出版社，北京。

 Kang, Yuhua & Lai, Siping (2005), Conversational Chinese 301-1 (3rd Edition), Beijing Language and Culture University Press, Beijing.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)**

**Bảng 5.1. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu**  | **Chuẩn đầu ra của CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | Lặp lại được các hoạt động truyền thông bằng lời nói, văn bản trong truyền tải thông tin về cá nhân, nhóm và tổ chức sử dụng tiếng Trung | CĐR 2.2.1 | II |
| G2 | Rèn luyện trở thành công dân toàn cầu, làm việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm với bản thân và xã hội | CĐR 3.1.1 | III |

**6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)**

**Bảng 6.1.Năng lực người học học phần (CLO)**

| **CĐR** | **CLOs**  | **Mô tả năng lực người học** | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| 2.1.1 | LO 2.1 | Có kỹ năng bắt chước được các hoạt động truyền thông bằng lời nói, văn bản trong truyền tải thông tin tổ chức | 2 |
| 2.1.1 | LO 2.2 | Có kỹ năng làm theo nhiệm vụ được hướng dẫn trong làm việc nhóm | 2 |
| 2.1.1 | LO 2.3 | Có kỹ năng lặp lại những hội thoại giới thiệu về bản thân và phỏng vấn | 2 |
| 2.1.1 | LO 3.1 | Trở thành công dân toàn cầu | 3 |
| 3.1.1 | LO 3.2 | Hành động có trách nhiệm xã hội  | 3 |

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)**

**Bảng 7.3. Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **NLNH học phần** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tỷ lệ (%)** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** | **[6]** |
| Chuyên cần | Điểm danh, tích cực xây dựng bài trên lớp | Tuần 1-13 | LO 3.1 – LO 3.2 | - Mức độ tham gia lớp học đầy đủ. - Mức độ chuẩn bị bài học từ nhà (đầy đủ, kỹ lưỡng)- Mức độ tham gia trả lời câu hỏi của giảng viên (số lần và chất lượng ý kiến trả lời)- Mức độ tham gia đặt câu hỏi với bài giảng của giảng viên (số lần và chất lượng câu hỏi)  | 10% |
| Kiểm tra giữa kỳ cá nhân | Bài 1-5Bài 1-9 | Tuần 6Tuần 10 | LO 2.1 – LO 2.3LO 3.1 – LO 3.2 | 2 bài kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm, mỗi bài bao gồm 50 câu hỏi, được thực hiện trong 50 phút, lấy điểm cao nhất để đánh giá | 20% |
| Thuyết trình nhóm | Bài 9 - 12 | Tuần 11,12 | LO 2.1 – LO 2.3LO 3.1 – LO 3.2 | Mỗi nhóm sẽ chuẩn bị bài luận theo chủ đề được giao với độ dài từ 100-300 từ, viết tay, chuyển cho giáo viên trước mỗi buổi thuyết trình. Nhóm có 10 phút để thuyết trình về chủ đề đã chọn và trả lời các câu hỏi liên quan (tối đa 10 câu hỏi). | 20% |
| Đánh giá cuối kỳ | Thi kết thúc học kỳ | Lịch thi học phần | LO 2.1 – LO 2.4 | Đề thi viết, theo hình thức kết hợp trắc nghiệm và tự luận. Thực hiện trong 90 phút  | 50% |

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)**

**8.1. Nội dung giảng dạy**

**Bài 1: Giới thiệu chung về ngôn ngữ tiếng Trung**

- Xin chào

- Âm tiết

- Thanh mẫu (1) và vận mẫu (1)

- Thanh điệu

- Đại từ: 您

- Nét viết cơ bản (1)

- Quy tắc viết (1)

**Bài 2: Bạn là người nước nào?**

- Thanh mẫu (2) và vận mẫu (2)

- Thanh nhẹ

- Trợ từ: 呢 (1)

- Nét viết cơ bản (2)

- Quy tắc viết (2)

**Bài 3: Tôi đã chuyển nhà rồi**

- Thanh mẫu (3)

- Vận mẫu (3)

- Biểu đạt sự lễ phép: 贵姓

- Nét viết cơ bản (3)

- Quy tắc viết (3)

**Bài 4: Xin hỏi quý tính của ngài**

- Thực hành ngữ âm 1

- Sử dụng Hán ngữ trong lớp học

- Số đếm: 1-10

- Giới thiệu họ và tên bằng tiếng Trung

- Thực hành nghe hội thoại và bài khóa 1

**Bài 5: Bạn học tiếng Pháp có phải không**

- Quy tắc viết phiên âm (1)

- Biến điệu của thanh 3

- Biến điệu của “不”

- Câu vị ngữ động từ

- Sử dụng “吗” trong câu nghi vấn

- Nét viết cơ bản (4)

- Quy tắc viết (4)

**Bài 6: Đây là cái gì**

- Thực hành ngữ âm 2

- Giới thiệu một số đồ vật bằng tiếng Trung

- Thực hành nghe hội thoại và bài khóa 2

**Bài 7: Nhà bạn có bao nhiêu thành viên**

- Quy tắc viết phiên âm (2)

- Lượng từ: 口，个

- Sử dụng “几” và “多少”

- Số từ: 1~100

- “二” và “两”

- Nét viết cơ bản (5)

- Kết cấu chữ Hán (1)

**Bài 8: Chuối bao nhiêu tiền nửa cân**

- Quy tắc viết phiên âm (3)

- Biến điệu của “一”

- Trợ động từ: 想

- Số từ: 100~99.999

- Hỏi giá tiền bằng “多少钱” và“怎么卖”

- Nét viết cơ bản (6)

- Kết cấu chữ Hán (2)

**Bài 9: Ngân hàng Trung Quốc ở đâu**

- Quy tắc viết phiên âm (4)

- 儿化

- Câu chỉ sự tồn tại (1)

- Phương vị từ

- Phụ từ: 还 (1)

- “哪儿” và “在什么地方”

- Trợ từ: 吧 (1)

- Nét viết cơ bản (7)

- Kết cấu chữ Hán (3)

**Bài 10: Hôm nay ngày mấy**

- Quy tắc viết phiên âm (5)

- Thuyết trình (6)

- Câu vị ngữ danh từ

- Cách thức biểu thị ngày tháng

- Câu hỏi sử dụng “对吗?”

- 则么样(1)

- Định ngữ (1)

- Nét viết cơ bản (8)

- Kết cấu chữ Hán (4)

**Bài 11: Kế hoạch ngày hôm nay của bạn là gì?**

- Quy tắc viết thanh điệu

- Thuyết trình (7)

- 先…., 然后…

- 来/去+(O1)+V+O2

- Trạng ngữ thời gian

- Cách thức biểu thị thời gian

- Bộ thủ (1)

- Các tổ hợp từ với bộ thủ (1)

**Bài 12: Chủ nhật này bạn có bận không**

- Thực hành phát âm phiên âm

- Thuyết trình (8)

- Câu vị ngữ tính từ

- Câu nghi vấn dạng chính phản (1) (2)

- “一下” và “一点儿”

- Bộ thủ (2)

- Các tổ hợp từ với bộ thủ (2)

**8.2. Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **NLNH học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** |
| 1  | **Bài 1** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 2 | **Bài 2**  | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 3 | **Bài 3** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 4 | **Bài 4** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 5 | **Bài 5** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 6 | **Bài 6****Kiểm tra giữa kỳ** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 1 tiếtThực hành: 1 tiếtKiểm tra cá nhân: 1 tiết (Trắc nghiệm)Luyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cầnKiểm tra giữa kỳ |
| 7 | **Bài 7** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 8 | **Bài 8** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 9 | **Bài 9** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThực hành: 1 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cần |
| 10 | **Bài 10****Kiểm tra giữa kỳ** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 3 tiếtThuyết giảng: 1 tiếtThực hành: 1 tiếtKiểm tra cá nhân: 1 tiết (Trắc nghiệm)Luyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cầnKiểm tra giữa kỳ |
| 11 | **Bài 11** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 4 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThuyết trình nhóm: 2 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cầnThuyết trình |
| 12 | **Bài 12** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Nghiên cứu trước tài liệuHọc ở lớp: 4 tiếtThuyết giảng: 2 tiếtThuyết trình nhóm: 2 tiếtLuyện tập ở nhà: 2 tiết | Chuyên cầnThuyết trình |
| 13 | **Ôn tập** | 2.1 – 2.33.1 – 3.2 | Ôn tập toàn bộ các kiến thức đã học để thi học kì. | Chuyên cần |

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)**

**9.1. Quy định về tham dự lớp học**

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên có trách nhiệm chủ động nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên vắng quá 20% tổng số buổi học của học phần sẽ bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên nộp bài tập cá nhân muộn so với thời gian quy định của giảng viên sẽ nhận điểm 0 của bài tập đó.

- Sinh viên sẽ được yêu cầu trả lời các câu hỏi vấn đáp ngẫu nhiên trong suốt 12 buổi học

- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học, tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

**9.2. Quy định về hành vi lớp học**

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy.

- Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua thảo luận nhóm, thảo luận trên lớp, nghiên cứu tình huống, thuyết trình

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của Trường** | **Trưởng Bộ môn** | **Giảng viên** |